TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/DS-ST.
Ngày: 14-9-2022.
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Duy Loan**;

2. Bà **Tăng Thị Bạch Vân**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Phạm Thị Hạnh -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên toà*:** ông **Dương Thanh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 270/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 203/2022/QĐST - DS ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh ngày 01/01/1963.

Địa chỉ: ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H.

2.2. Bà Trần Thị T, sinh ngày 01/01/1970.

Cùng địa chỉ: ấp S, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (ông H, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2022 của nguyên đơn bà Lê Thị N cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà N trình bày:*

Bà N có làm đầu thảo hụi vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T có tham gia làm hụi viên 03 (ba) chưng hụi trong 03 (ba) dây hụi sau:

- Dây thứ 1: Hụi 5.000.000đồng, mở ngày 12/5/2014 âm lịch, hụi mùa 04 tháng khui một lần, có 18 phần, ông H bà T tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 04 lần,

khui lần thứ 05 ông H, bà T hốt, đóng hụi chết lại được 01 lần, còn lại 12 lần hụi chết là 60.000.000đồng không đóng, bà đã đóng thay cho ông H, bà T số tiền 60.000.000đồng nay hụi đã mãn.

- Dây thứ 2: Hụi 1.000.000đồng, mở ngày 15/10/2015 âm lịch, hụi tháng, có 24 phần, ông H, bà T tham gia 01 phần, ông H, bà T hốt xong đóng hụi, đóng hụi chết lại được 12 lần, còn lại 12 lần hụi chết là 12.000.000đồng không đóng, bà đã đóng thay cho ông H, bà T số tiền 12.000.000đồng nay hụi đã mãn.

- Dây thứ 3: Hụi 1.000.000đồng, mở ngày 25/02/2015 âm lịch, hụi tháng, có 22 phần, ông H, bà T tham gia 01 phần, hốt xong đóng hụi sống được 21 lần, còn lại 01 lần hụi chết là 1.000.000đồng không đóng, bà đã đóng thay cho ông H, bà T số tiền 1.000.000đồng nay hụi đã mãn.

Tổng cộng 03 (ba) dây hụi trên, ông H, bà T còn nợ bà 73.000.000đồng. Sau khi các dây hụi mãn, ông H, bà T có trả cho bà nhiều lần được tổng cộng 11.000.000đồng, còn lại 62.000.000đồng.

Vì vậy, bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T cùng liên đới trả cho bà tổng số tiền là: 62.000.000đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

** Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/8/2022, bà T trình bày: Bà không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Bà thừa nhận có tham gia các dây hụi do nguyên đơn trình bày. Bà có thiếu nguyên đơn số tiền 62.000.000đồng nhưng bà đã trả tổng cộng 15.000.000đồng, chỉ còn nợ 47.000.000đồng. Bà đồng ý trả 47.000.000đồng mỗi tháng trả 1.000.000đồng. Bà thừa nhận việc bà đã trả 15.000.000đồng không có chứng cứ gì chứng minh. Phía nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã trả 15.000.000đồng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn H không có ý kiến gì trong quá trình giải quyết vụ án.*

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn cùng liên đới trả số tiền hụi còn nợ mà nguyên đơn đã đóng thay các bị đơn là 62.000.000đồng theo quy định tại các Điều 288, 357 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Việc bà T cho rằng bà đã trả 15.000.000đồng không có chứng cứ gì chứng minh. Phía nguyên đơn không thừa nhận nên không có căm cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÓA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T cùng liên đới trả cho bà tổng số tiền là 62.000.000đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất. Theo các bên đương sự trình bày và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để xác định giữa nguyên đơn và các bị đơn có thực hiện hợp đồng góp hụi (có lập thành văn bản) đã được bà T thừa nhận và thống nhất số nợ với nhau (Theo các biên bản hòa giải cơ sở ngày 16/6/2018, ngày 19/01/2022 và Biên bản hòa giải của Hòa giải viên ngày 10/6/2022 đều thể hiện ông H, bà T có nợ bà N 73.000.000đồng, đã trả được 11.000.000đồng. Còn nợ lại 62.000.000đồng) nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết có thật, các bên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Việc bà T cho rằng bà có thiếu nguyên đơn số tiền 62.000.000đồng nhưng bà đã trả tổng cộng 15.000.000đồng chỉ còn nợ 47.000.000đồng. Bà đồng ý trả 47.000.000đồng mỗi tháng trả 1.000.000đồng. Bà thừa nhận việc bà đã trả 15.000.000đồng không có chứng cứ gì chứng minh. Phía nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã trả 15.000.000đồng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung bà đã trả 15.000.000đồng. Đối với ông H, ông không có ý kiến gì phản đối nên cần buộc ông H phải cùng liên đới với bà T để trả số nợ trên cho bà N theo quy định tại các Điều 288, 357 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Từ những phân tích ở Mục **[2]** là có căn cứ để buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T cùng liên đới trả cho bà N số tiền 62.000.000đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 288, 357 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Bà N không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề Nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 357 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị N số tiền là 62.000.000đồng (*Sáu mươi hai triệu đồng*), bà N không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Lê Thị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị T phải cùng liên đới trả cho bà Lê Thị N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn H bà Trần Thị T phải cùng liên đới chịu 3.100.000đồng *(Ba triệu một trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị N không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.550.000đồng *(Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0003935 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *Chi cục THADS huyện Kế Sách;*

- Đương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH